UỶ BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 60 /2026/QĐ-UBND	*Đà Nẵng, ngày 27 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định quản lý hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;

Căn cứ Luật Viễn thông số 24/2023/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về Quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 06/2008/TTLT-BTTTT-BCA ngày 28 tháng 11 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ trưởng Bộ Công an về bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng và an ninh thông tin trong hoạt động bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 21/2013/TTLT-BXD-BCT-BTTTT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Bộ trưởng Bộ Công thương về Quy định dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống được lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;

Căn cứ Thông tư 07/2024/TT-BTTTT ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành hướng dẫn cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá, phương pháp định giá thuê sử dụng mạng cáp trong tòa nhà, giá thuê hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động giữa các doanh nghiệp viễn thông, tổ

chức, cá nhân sở hữu công trình viễn thông;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 1214/TTr-SKHCN ngày 10 tháng 4 năm 2026 dự thảo Quyết định ban hành Quy định quản lý hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, ý kiến thống nhất của các thành viên UBND thành phố (theo Công văn số 3245/VP-KGVX ngày 14/4/2026 của Văn phòng UBND thành phố) và thống nhất của Ban Thường vụ Đảng ủy UBND thành phố (theo Công văn số 2728-CV/ĐU ngày 25 tháng 5 năm 2026 của Đảng ủy UBND thành phố);

Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định ban hành Quy định quản lý hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì tham mưu UBND thành phố ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng Quy định quản lý hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Chịu trách nhiệm tổ chức triển khai, kiểm tra và đôn đốc việc thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 6 năm 2026.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 01/2024/QĐ-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2024 của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quy định quản lý hạ tầng mạng truyền dẫn viễn thông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, Quyết định số 13/2025/QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2025 của UBND thành phố Đà Nẵng sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 01/2024/QĐ-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2024, Quyết định số 18/2021/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2021 của UBND tỉnh Quảng Nam về quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND thành phố; Giám đốc các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông, Internet và truyền hình cáp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ Khoa học và Công nghệ (báo cáo);
- Cục KTVB&TCTHPL, Bộ Tư pháp;
- TT TU, TT HĐND TP;
- BTV ĐU UBND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- UBMTTQVN và các TC CT-XH TP;
- Phòng XD&KTVB QPPL - Sở Tư pháp;
- Báo và PTTH Đà Nẵng, Cổng TT ĐT TP;
- CPVP, P.KGVX, NC;
- Lưu: VT, SKHCN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Quang Bửu

UỶ BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH
Quản lý hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 60 /2026/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2026 của UBND thành phố Đà Nẵng)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc quản lý, xây dựng, phát triển và sử dụng hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước, các doanh nghiệp viễn thông, các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc quản lý, xây dựng, phát triển và sử dụng hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động là công trình hạ tầng kỹ thuật bao gồm nhà, trạm, cột ăng ten, cột treo cáp, cống, bể, ống cáp, hào, tuy nen kỹ thuật và công trình hạ tầng kỹ thuật liên quan khác để lắp đặt thiết bị phục vụ viễn thông.

2. Hạ tầng trạm BTS (sau đây gọi tắt là trạm BTS) bao gồm: cột ăng ten, nhà trạm đặt thiết bị, các thiết bị thu phát sóng vô tuyến điện và các thiết bị phụ trợ kèm theo để phục vụ thông tin liên lạc.

3. Cáp viễn thông là tên gọi chung chỉ cáp quang, cáp đồng, cáp đồng trục (cáp truyền hình) được dùng để truyền thông tin trong mạng viễn thông thuộc quản lý chuyên ngành của Bộ Khoa học và Công nghệ.

4. Cột treo cáp là cột bằng thép, bê tông cốt thép hoặc vật liệu khác dùng để treo cáp viễn thông.

5. Cột ăng ten là cột được xây dựng để lắp đặt ăng ten thu, phát sóng vô tuyến điện.

6. Cột ăng ten không cồng kềnh (sau đây gọi là cột ăng ten loại A1) là cột ăng ten được lắp đặt trong và trên các công trình xây dựng nhưng không làm thay đổi kiến trúc, kết cấu chịu lực, an toàn của công trình xây dựng, bao gồm:

a) Cột ăng ten tự đứng được lắp đặt trên các công trình xây dựng có chiều cao của cột (kể cả ăng ten, nhưng không bao gồm kim thu sét) không quá 20%

chiều cao của công trình nhưng tối đa không quá 03 mét và có chiều rộng từ tâm của cột đến điểm ngoài cùng của cấu trúc cột ăng ten (kể cả cánh tay đòn của cột và ăng ten) dài không quá 0,5 mét.

b) Cột ăng ten thân thiện với môi trường là cột ăng ten được thiết kế, lắp đặt ẩn trong kiến trúc của công trình đã xây dựng, mô phỏng lan can, mái hiên, mái vòm, bệ cửa, vỏ điều hòa, bồn nước, tháp đồng hồ, tác phẩm điêu khắc… hoặc được lắp đặt kín trên cột điện, đèn chiếu sáng hoặc dưới các hình thức ngụy trang phù hợp với môi trường xung quanh và có chiều cao, chiều rộng như quy định tại điểm a, khoản 6 Điều này.

7. Cột ăng ten cồng kềnh (sau đây gọi là cột ăng ten loại A2), bao gồm:

a) Cột ăng ten được lắp đặt trên các công trình xây dựng không thuộc cột ăng ten loại A1 được quy định khoản 6 Điều này.

b) Cột ăng ten được lắp đặt trên mặt đất.

8. Đơn vị chủ sở hữu cột là các đơn vị có hạ tầng cột, được sử dụng để treo cáp viễn thông.

9. Đơn vị chủ sở hữu hạ tầng kỹ thuật ngầm là đơn vị có hạ tầng cống, bể, hào và tuy nen kỹ thuật ngầm được sử dụng để ngầm hóa cáp viễn thông.

10. Đơn vị chủ sở hữu cáp viễn thông là các đơn vị có cáp viễn thông đi treo hoặc đi ngầm trên địa bàn thành phố.

Điều 4. Nguyên tắc chung

1. Việc phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động phải phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch hạ tầng kỹ thuật thông tin liên lạc trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và các quy hoạch hạ tầng khác của thành phố.

2. Bảo đảm an toàn, mỹ quan đô thị, chất lượng dịch vụ, tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam nhằm phục vụ cho dân sinh và an ninh quốc phòng.

3. Các nhà mạng sử dụng, khai thác chung hạ tầng mạng truyền dẫn viễn thông. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân có đủ năng lực tham gia đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động phục vụ mục đích sử dụng chung.

Chương II
QUẢN LÝ HẠ TẦNG KỸ THUẬT VIỄN THÔNG HỮU TUYẾN

Điều 5. Quy định phát triển hạ tầng kỹ thuật cáp viễn thông treo

1. Cáp viễn thông treo không được triển khai trong các trường hợp sau:

a) Vượt qua đường cao tốc, đường giao thông có độ rộng lớn hơn 70 (bảy mươi) mét; treo trên cây xanh.

b) Chưa được sự chấp thuận phương án triển khai cáp viễn thông của cơ

quan có thẩm quyền.

c) Chưa có thỏa thuận dùng chung với đơn vị sở hữu cột treo cáp.

2. Yêu cầu kỹ thuật đối với cáp viễn thông treo

a) Cáp viễn thông khi treo phải tuân thủ quy định kỹ thuật tại điểm 2.1, điểm 2.5 khoản 2 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lắp đặt cáp ngoại vi viễn thông QCVN 33:2019/BTTTT (sau đây gọi tắt là Quy chuẩn QCVN 33:2019/BTTTT) ban hành theo Thông tư số 20/2019/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lắp đặt cáp ngoại vi viễn thông".

b) Ngoài những quy định bắt buộc tại Khoản a Điều 2 của Quy định này, cáp treo dọc tuyến và băng đường phải đúng độ cao quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định ngành điện như: Vượt qua đường ôtô khi không có xe cần trục đi qua là 4,5 (bốn phẩy năm) mét và có xe cần trục đi qua là 5,5 (năm phẩy năm) mét; vượt qua đường sắt - tính đến mặt ray là 6,5 (sáu phẩy năm) mét (ngoài ga đường sắt); vượt qua ngõ, hẻm không có xe ôtô đi lại bên dưới, đường vào nhà thuê bao là 4m; dọc theo đường ôtô dọc theo ngõ, hẻm, đường vào nhà thuê bao là 3,5 (ba phẩy năm) mét đồng thời phải đảm bảo an toàn lưới điện và phần tử mang điện.

c) Mỗi đơn vị sử dụng chung cột treo kéo chỉ được treo tối đa 04 sợi cáp trục trên mỗi cột để đảm bảo an toàn chịu lực của cột.

Điều 6. Quy định phát triển hạ tầng kỹ thuật cáp viễn thông ngầm

1. Các khu vực bắt buộc ngầm hóa cáp viễn thông

a) Các tuyến đường ở đô thị, khu quy hoạch và các khu di tích.

b) Các tuyến đường đầu tư mới, nâng cấp, mở rộng lòng đường, vỉa hè ở khu đô thị.

c) Các tuyến đường ngoài đô thị nhưng đã có hạ tầng kỹ thuật ngầm đảm bảo cho việc triển khai cáp ngầm viễn thông.

d) Các tuyến đường bắt buộc ngầm hóa cáp viễn thông theo kế hoạch triển khai quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động được Ủy ban nhân dân thành phố hoặc UBND cấp xã ban hành hằng năm hoặc giai đoạn.

2. Yêu cầu kỹ thuật đối với cáp viễn thông ngầm

a) Cáp viễn thông ngầm trong cống bể phải tuân thủ quy định kỹ thuật tại các điểm 2.2 Khoản 2 Quy chuẩn QCVN 33:2019/BTTTT.

b) Cáp viễn thông chôn trực tiếp phải tuân thủ quy định kỹ thuật thuật tại các điểm 2.3 Khoản 2 Quy chuẩn QCVN 33:2019/BTTTT.

c) Cáp viễn thông trong đường hầm phải tuân thủ quy định kỹ thuật tại các điểm 2.4 Khoản 2 Quy chuẩn QCVN 33:2019/BTTTT.

Điều 7. Quy định yêu cầu kỹ thuật đối với lắp đặt tủ cáp, hộp cáp, bộ chia tín hiệu truyền hình

1. Việc lắp đặt tủ cáp, hộp cáp, bộ chia tín hiệu truyền hình phải tuân thủ quy định kỹ thuật tại các điểm 2.7.1 Khoản 2 Quy chuẩn QCVN 33:2019/BTTTT.

2. Ngoài những quy định bắt buộc tại Khoản 1 Điều 8 của Quy định này, việc lắp đặt tủ cáp, hộp cáp, bộ chia tín hiệu truyền hình phải đảm bảo đúng các yêu cầu sau:

a) Vị trí lắp đặt tủ cáp/hộp cáp không cản trở giao thông đi lại

b) Tủ/hộp cáp phải ghi tên chủ sở hữu theo dạng ký hiệu thống nhất của mỗi đơn vị.

c) Tại các tủ/hộp cáp, tất cả cáp vào/ra đều phải được luồng trong ống nhựa, đi song song thân cột, cố định chắc chắn bằng đai chống rỉ vào thân cột.

Điều 8. Quy định yêu cầu kỹ thuật đối với cáp thuê bao

1. Cáp thuê bao phải tuân thủ quy định kỹ thuật tại các Điểm 2.6 Khoản 2 Quy chuẩn QCVN 33:2019/BTTTT.

2. Ngoài những quy định kỹ thuật bắt buộc tại Khoản 1 Điều 9 của Quy định này, cáp thuê bao treo phải đảm bảo đúng các yêu cầu sau:

a) Cáp thuê bao treo phải được cố định vào giá đỡ/gông và không được quấn quanh thân cột.

b Cáp thuê bao treo phải kéo thẳng, bó gọn với độ cao như cáp chính và không để dự phòng trên cột. Cáp thuê bao treo kéo dọc tuyến không vượt quá 150 (một trăm năm mươi) mét.

c) Không cho phép dùng cáp thuê bao treo để thay thế cáp viễn thông kết nối giữa các hộp cáp về tủ cáp chính.

Điều 9. Quy định đầu tư hạ tầng kỹ thuật cáp viễn thông

1. Trước khi đầu tư xây dựng tuyến cáp, các tổ chức, doanh nghiệp viễn thông phải gửi thông báo kế hoạch triển khai gồm địa điểm, hướng tuyến đầu tư cho Sở Khoa học và Công nghệ và UBND cấp xã.

2. Các tổ chức, doanh nghiệp viễn thông có nhu cầu đầu tư tuyến cáp trước khi triển khai thi công phải thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan theo quy định pháp luật và thực hiện thỏa thuận với đơn vị sở hữu hạ tầng trong trường hợp dùng chung hạ tầng của đơn vị khác.

Điều 10. Quy định chỉnh trang, ngầm hóa hạ tầng kỹ thuật viễn thông hữu tuyến

1. Các đơn vị chủ sở hữu cột treo cáp, các đơn vị sử dụng chung cột treo cáp có trách nhiệm kiểm tra, rà soát, sắp xếp, chỉnh trang, làm gọn hệ thống cáp treo viễn thông tối đa 06 (sáu) tháng một lần hoặc theo kế hoạch chỉnh trang, sắp

xếp cáp viễn thông của UBND thành phố và UBND cấp xã.

2. Nội dung thực hiện việc sắp xếp, chỉnh trang cáp viễn thông

a) Thu hồi cáp hỏng, cáp không sử dụng, cáp thuê bao vượt qua đường, cáp treo không đúng quy định và măng sông, tủ/hộp cáp, bộ chia tín hiệu đã hư hỏng hoặc không còn sử dụng;

b) Kéo căng, buộc gọn hệ thống dây cáp viễn thông, đưa vào gông gom (nếu có);

c) Sắp xếp cáp dự phòng, măng sông, tủ/hộp cáp treo trên cột theo đúng quy định;

d) Duy tu, bảo dưỡng, gia cố, thay thế cột không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, gây ảnh hưởng đến an toàn giao thông và mỹ quan đô thị.

đ) Các đơn vị chủ sở hữu cáp viễn thông có trách nhiệm thực hiện các nội dung sắp xếp, chỉnh trang cáp viễn thông; kiểm tra, khắc phục đối với cáp viễn thông gây ảnh hưởng đến cộng đồng và vật tư thiết bị trên tuyến cột.

3. Quy định về tháo dỡ, di dời cột treo cáp

a) Đơn vị chủ sở hữu cột treo cáp là đầu mối thông báo cho các đơn vị sử dụng chung cột treo cáp để cùng phối hợp xử lý các vấn đề liên quan đến việc phải tháo dỡ, di dời cột treo cáp.

b) Khi nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền yêu cầu di dời, thu hồi cột treo cáp, chủ sở hữu cột treo cáp phải thông báo bằng văn bản cho tất cả các đơn vị sử dụng chung cột treo cáp để thực hiện tháo dỡ, di dời đồng bộ trong vòng 07 ngày làm việc.

c) Trường hợp các đơn vị sử dụng chung cột treo cáp không thực hiện theo đúng yêu cầu và tiến độ, chủ sở hữu cột treo cáp phối hợp với UBND cấp xã lập biên bản và tiến hành tháo dỡ, thu hồi cáp viễn thông. Chủ sở hữu cột treo cáp không phải chịu trách nhiệm về việc hư hỏng vật tư, thiết bị, mất tín hiệu liên lạc của các đơn vị sử dụng chung cột treo cáp.

4. Quy định về hạ ngầm cáp viễn thông

a) Các tổ chức, doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm tham gia, phối hợp, chủ đầu tư các khu đô thị mới công trình giao thông, các tuyến đường phố mới xây dựng, cải tạo hoặc mở rộng để thực hiện hạ ngầm cáp viễn thông.

b) Các tổ chức, doanh nghiệp viễn thông căn cứ kế hoạch, lộ trình các tuyến đường phải ngầm hóa công trình hạ tầng kỹ thuật để triển khai thực hiện ngầm hóa cáp viễn thông trên địa bàn theo quy định.

c) Việc thiết kế, thi công các công trình hạ ngầm cáp viễn thông phải thực hiện đồng bộ giữa các ngành điện, giao thông, cấp nước, thoát nước trên cùng một tuyến đường. Ưu tiên thiết kế, thi công các công trình hạ ngầm cáp viễn thông trên vỉa hè, hạn chế thi công dưới lòng đường. Việc hạ ngầm cáp viễn thông trên các tuyến đường phải thực hiện đến tận nhà thuê bao.

d) Việc hạ ngầm cáp viễn thông được thực hiện theo nguyên tắc bảo đảm việc sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật và phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật.

đ) Tất cả cáp viễn thông phải được ngầm hóa trong vòng 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày hạ tầng kỹ thuật đi ngầm hoàn thành.

3. Xử lý đối với trường hợp không thực hiện chỉnh trang, ngầm hóa hạ tầng kỹ thuật cáp viễn thông.

a) Doanh nghiệp không phối hợp để thực hiện chỉnh trang, ngầm hóa mạng cáp ngoại vi viễn thông theo kế hoạch, UBND cấp xã chủ trì, lập biên bản và xử lý vi phạm theo đúng quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và các quy định hiện hành.

b) Cáp viễn thông, tủ/hộp cáp, cột treo cáp bị hỏng không sử dụng, xây dựng sai quy định hoặc không được triển khai chỉnh trang, ngầm hóa theo đúng lộ trình quy định nhưng không xác định được đơn vị sở hữu được xem là cáp vô chủ, UBND cấp xã chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan lập biên bản, tháo dỡ/cắt bỏ, đồng thời thông báo cho Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 11. Quy định về xử lý hạ tầng kỹ thuật cáp viễn thông khi bị sự cố

1. UBND cấp xã chủ trì, thông báo đến chủ sở hữu hạ tầng kỹ thuật cáp viễn thông khi tiếp nhận thông tin từ các tổ chức, cá nhân trên địa bàn thành phố liên quan đến hạ tầng kỹ thuật cáp viễn thông bị sự cố, mất mỹ quan, mất an toàn tại địa phương

2. Khi hạ tầng kỹ thuật cáp viễn thông bị sự cố các tổ chức, chủ sở hữu phải huy động lực lượng có mặt kịp thời để xử lý nhằm đảm bảo an toàn giao thông và thông tin liên lạc được thông suốt.

3. Sau 24 giờ, kể từ lúc nhận thông báo về sự cố hạ tầng kỹ thuật cáp viễn thông, chủ sở hữu hạ tầng kỹ thuật cáp viễn thông không sửa chữa, khắc phục thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Trong tình huống khẩn cấp mất an toàn đô thị, giao thông, UBND cấp xã được tháo dỡ/xử lý lập tức để bảo đảm an toàn, lập biên bản và báo cáo khi hoàn thành. Chủ sở hữu hạ tầng kỹ thuật cáp viễn thông chịu trách nhiệm hoàn toàn về việc thu hồi toàn bộ cáp viễn thông đã bị tháo dỡ, cắt bỏ và khắc phục hạ tầng sau khi xử lý tình huống khẩn cấp để bảo đảm thông tin liên lạc của tổ chức, đơn vị mình.

5. Khi cột treo cáp viễn thông bị gãy hoặc bị nghiêng thì các đơn vị có cáp viễn thông treo trên cột đó phải có trách nhiệm phối hợp với đơn vị chủ sở hữu cột treo cáp để xử lý. Trong thời gian 07 (bảy) ngày kể từ ngày xảy ra sự cố, các đơn vị chủ sở hữu cột phải hoàn thành việc khắc phục sự cố.

Điều 12. Dấu hiệu nhận biết cáp viễn thông và thiết bị phụ trợ

1. Cáp viễn thông lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật phải được gắn thẻ cáp sở hữu. Các thiết bị phụ trợ gồm: tủ/hộp cáp, bộ chia tín hiệu truyền hình, bể cáp và cột treo cáp phải được ghi thông tin quản lý. Cáp viễn thông treo nổi qua các khu vực giao thông phải treo biển báo độ cao.

2. Nội dung thông tin, quy cách thẻ cáp, biển báo độ cao được quy định theo Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, Thông tư liên tịch số 21/2013/TTLT-BXD-BCT-BTTTT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống được lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 33:2019/BTTTT về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông.

3. Giao Sở Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì kiểm tra, hướng dẫn các quy định về dấu hiệu nhận biết cáp viễn thông và thiết bị phụ trợ.

Chương III
QUẢN LÝ HẠ TẦNG TRẠM BTS

Điều 13. Quy định phát triển hạ tầng trạm BTS

1. Trong khu vực trung tâm thành phố, khu vực yêu cầu cao về kiến trúc, mỹ quan chỉ được phát triển các trạm BTS có sử dụng cột ăng ten loại A1 hoặc dùng chung hạ tầng với các công trình kĩ thuật khác hiện có.

2. Phát triển mới trạm BTS có cột ăng ten cồng kềnh phải đảm bảo khoảng cách đối với các trạm BTS hiện hữu cụ thể như sau:

STT	Loại cột ăng ten	Đô thị	Ngoài đô thị
1	A2 ≤ 15m	150m	200m
2	A2 >15m	200m	300m
3	A2 ≤ 20m	200m	300m
4	A2 >20m	500m	500m

3. Trạm BTS phải được kiểm tra an toàn về chống sét, điện và bức xạ điện từ trước khi đưa vào hoạt động chính thức. Chủ sở hữu trạm BTS phải định kỳ đo kiểm và có biện pháp bảo đảm an toàn về bức xạ thiết bị, chống sét, điện và an toàn kết cấu theo quy định hiện hành.

4. Chủ sở hữu trạm BTS, các đơn vị lắp đặt thiết bị thu phát sóng viễn thông chịu trách nhiệm về hậu quả khi xảy ra sự cố trong quá trình thi công và đưa vào sử dụng công trình.

5. Trên cơ sở quy hoạch chung thành phố; quy hoạch hạ tầng kỹ thuật thành phố; nhu cầu phát triển hạ tầng trạm BTS các tổ chức, doanh nghiệp viễn

thông phải lập kế hoạch phát triển trạm BTS và gửi Sở Khoa học và Công nghệ trước ngày 20 tháng 11 hàng năm để tổng hợp, tham mưu UBND thành phố phê duyệt kế hoạch hàng năm.

6. Sở Khoa học và Công nghệ trên cơ sở kế hoạch hạ tầng viễn thông, quy hoạch chung thành phố, quy hoạch đô thị và nông thôn và các quy định có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành có văn bản xác định sự phù hợp đối với thiết kế, xây dựng, lắp đặt công trình trạm BTS.

Điều 14. Quy định về xây dựng trạm BTS

1. Công trình trạm thu phát sóng viễn thông được miễn giấy phép xây dựng theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 43 của Luật Xây dựng.

2. Các tổ chức, doanh nghiệp viễn thông đầu tư xây dựng trạm thu phát sóng có trách nhiệm gửi thông báo khởi công công trình theo quy định tại khoản 3 Điều 43 Luật Xây dựng đến Sở Khoa học và Công nghệ, cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng tại địa phương trước thời điểm thi công trước 03 (ba) ngày làm việc.

Chương IV
QUY ĐỊNH VỀ SỬ DỤNG CHUNG HẠ TẦNG VIỄN THÔNG THỤ ĐỘNG

Điều 15. Quy định về việc sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật cáp viễn thông

1. Việc chia sẻ, sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật cáp viễn thông thực hiện theo quy định tại Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ về việc quản lý và sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật và tại Điều 81, Nghị định 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật viễn thông.

2. Quy định về việc sử dụng chung cột treo cáp

a) Các đơn vị chủ sở hữu cột treo cáp phải tạo điều kiện cho các tổ chức, doanh nghiệp viễn thông sử dụng chung cột treo cáp tại các khu vực không có khả năng đi ngầm, chưa thể hạ ngầm để bảo đảm mỹ quan đô thị, tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 33:2019/BTTTT và các quy định hiện hành.

b) Không được treo cáp viễn thông khi đơn vị chủ sở hữu cột treo cáp chưa cho phép.

c) Các đơn vị sử dụng chung cột treo cáp viễn thông phải cung cấp số điện thoại liên lạc cho đơn vị sở hữu cột treo cáp để phối hợp khắc phục các sự cố và xử lý các tình huống khẩn cấp.

3. Quy định sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật cáp viễn thông ngầm

a) Chủ sở hữu hạ tầng kỹ thuật cáp viễn thông ngầm có trách nhiệm tạo điều kiện, chia sẻ cho các tổ chức, doanh nghiệp viễn thông có nhu cầu sử dụng chung hạ tầng.

b) Chủ sở hữu hạ tầng kỹ thuật cáp viễn thông ngầm sử dụng chung có trách nhiệm xây dựng quy trình vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa hạ tầng bảo đảm tuân thủ các tiêu chuẩn ngành, quy chuẩn quy định về kỹ thuật; bảo đảm an toàn, mỹ quan đô thị.

c) Ưu tiên các tổ chức, doanh nghiệp tham gia đầu tư công trình hạ tầng kỹ thuật cáp viễn thông ngầm sử dụng chung để cho thuê.

3. Giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật cáp viễn thông tuân thủ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC-BXD-BTTTT ngày 30/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về hướng dẫn cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá và phương pháp xác định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung và Thông tư số 07/2024/TT-BTTTT ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về Quy định chi tiết cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá, phương pháp định giá thuê sử dụng mạng cáp trong tòa nhà, giá thuê hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động giữa các doanh nghiệp viễn thông, tổ chức, cá nhân sở hữu công trình viễn thông.

Điều 16. Sử dụng chung cơ sở hạ tầng trạm BTS

1. Quy định về sử dụng chung hạ tầng trạm BTS

a) Việc chia sẻ dùng chung hạ tầng trạm BTS phải đảm bảo quy định tại Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ về việc quản lý và sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật và tại Điều 81, Nghị định 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật viễn thông.

b) Chủ sở hữu trạm BTS phải có trách nhiệm chia sẻ hạ tầng với các tổ chức, các doanh nghiệp viễn thông khác.

c) Đối với các vị trí dự kiến phát triển hạ tầng trạm BTS, nếu trong khu vực bán kính 300 mét mà đã có hạ tầng của đơn vị khác thì xem xét việc dung chung hạ tầng (nếu cột ăng ten đảm bảo các điều kiện) để tiết kiệm chi phí đầu tư, đảm bảo mỹ quan.

d) Khi xây dựng mới trạm BTS có sử dụng cột ăng ten A2, yêu cầu chủ đầu tư hạ tầng trạm BTS phải thiết kế đảm bảo để lắp đặt tối thiểu thiết bị của 02 (hai) doanh nghiệp.

đ) Trường hợp Chủ sở hữu hạ tầng trạm BTS không chia sẻ hạ tầng cho các tổ chức, doanh nghiệp viễn thông sử dụng chung với lý do không chính đáng sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Giá thuê công trình hạ tầng trạm BTS tuân thủ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC-BXD-BTTTT ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về hướng dẫn cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá và phương pháp xác định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung và Thông tư số 07/2024/TT-BTTTT ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và

Truyền thông về Quy định chi tiết cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá, phương pháp định giá thuê sử dụng mạng cáp trong tòa nhà, giá thuê hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động giữa các doanh nghiệp viễn thông, tổ chức, cá nhân sở hữu công trình viễn thông.

Chương V
TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Điều 17. Sở Khoa học và Công nghệ

1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Uỷ ban nhân dân cấp xã và các đơn vị liên quan tuyên truyền phổ biến và triển khai thực hiện Quy định này.

2. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định về quản lý hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; xử lý các hành vi vi phạm theo quy định pháp luật; kịp thời giải quyết các thông tin phản ánh của người dân liên quan đến việc xây dựng và sử dụng hạ tầng mạng truyền dẫn viễn thông.

3. Chỉ đạo các tổ chức, doanh nghiệp viễn thông xây dựng kế hoạch phát triển hạ tầng mạng truyền dẫn viễn thông phù hợp với quy hoạch, dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo các công trình xây dựng đã được phê duyệt.

4. Chủ trì, phối hợp với Công an thành phố và các đơn vị liên quan hướng xử lý các hành vi vi phạm theo quy định pháp luật về an toàn hạ tầng mạng truyền dẫn viễn thông.

Điều 18. Sở Xây dựng

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghê thực hiện lồng ghép nội dung quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động vào các quy hoạch xây dựng, thiết kế, xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật.

2. Cung cấp thông tin liên quan về quy hoạch, dự án, kế hoạch đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo các công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn thành phố cho Sở Khoa học và Công nghê, các đơn vị có liên quan và các doanh nghiệp viễn thông biết để phục vụ công tác quản lý, phát triển hạ tầng mạng truyền dẫn viễn thông.

3. Chủ trì, phối hợp với các bên liên quan kiểm tra việc tuân thủ quy định về an toàn trong quá trình thi công công trình xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn thành phố theo phân cấp.

4. Cung cấp thông tin về dự án, kế hoạch xây dựng, sửa chữa nâng cấp các công trình giao thông trên địa bàn thành phố cho Sở Khoa học và Công nghê và các đơn vị có liên quan biết để chủ động phối hợp di dời cũng như đầu tư, mở rộng các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động nhằm tiết kiệm chi phí, tránh thiệt hại và mất liên lạc do sự cố trong quá trình thi công.

5. Phối hợp với các cơ quan có liên quan giám sát, kiểm tra, xử lý vi phạm trong quá trình thi công công trình trong phạm vi kết cấu bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

6. Xem xét, có ý kiến thẩm định thiết kế, cấp phép thi công đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trong phạm vi các tuyến đường do Sở Xây dựng được phân cấp quản lý.

Điều 19. Sở Công Thương

1. Chỉ đạo Công ty Điện lực Đà Nẵng phối hợp với Sở Khoa học và Công nghê, Uỷ ban nhân dân cấp xã và các đơn vị liên quan thực hiện chỉnh trang, ngầm hóa hệ thống cột treo cáp đảm bảo mỹ quan, chất lượng và an toàn cho người dân; ưu tiên cấp điện cho các công trình hạ tầng mạng truyền dẫn viễn thông.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn Điện lực Đà Nẵng, các chủ sở hữu cột điện việc thỏa thuận sử dụng chung hệ thống cột điện trong phạm vi quyền hạn quản lý.

Điều 20. Sở Tài chính

Rà soát, có ý kiến về trình tự, thủ tục thẩm định phương án giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động sử dụng chung trên địa bàn thành phố của cơ quan chuyên môn.

Điều 21. Công an thành phố

1. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc đẩy mạnh công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, ngăn chặn kịp thời các hành vi phá hoại, cố tình cản trở việc xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ độngtrên địa bàn thành phố theo đúng quy định của pháp luật.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước tiến hành thanh tra, kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm về quản lý và phát triển hạ tầng mạng truyền dẫn viễn thông.

Điều 22. Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Phối hợp với sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan hỗ trợ và tạo điều kiện về thủ tục đất đai, đền bù, giải phóng mặt bằng cho tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng công trình hạ tầng mạng truyền dẫn viễn thông; chủ trì kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong việc xây dựng, lắp đặt các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn.

2. Tuyên truyền, phổ biến các quy định về quản lý hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn.

3. Thông tin về quy hoạch, dự án, kế hoạch đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo các công trình xây dựng, khu đô thị, tuyến đường giao thông và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn quản lý cho Sở Khoa học và Công nghê, các đơn vị có liên quan và các doanh nghiệp viễn thông biết để chủ động phối hợp quản lý và phát triển hạ tầng mạng truyền dẫn viễn thông.

4. Triển khai kế hoạch chỉnh trang, ngầm hóa hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ độngtrên địa bàn quản lý.

5. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan giải quyết, xử lý kịp thời

các khiếu nại của người dân, các trường hợp cản trở trái pháp luật, gây rối, phá hoại việc xây dựng và sử dụng hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ độngtheo quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và các quy định liên quan.

Điều 23. Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng, Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai thành phố Đà Nẵng

1. Tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp viễn thông xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động và cung cấp dịch vụ viễn thông trên địa bàn quản lý.

2. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong công tác quản lý, kiểm tra, xử lý vi phạm trong việc chấp hành các quy định chuyên ngành viễn thông đối với việc đầu tư, phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn quản lý.

Điều 24. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành trực thuộc UBND thành phố Đà Nẵng

Phối hợp Sở Khoa học và Công nghê và các đơn vị viễn thông trong quá trình triển đề xuất dự án đầu tư xây dựng.

Điều 25. Các tổ chức, doanh nghiệp viễn thông

1. Thực hiện xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ độngtheo quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của thành phố và quy định của pháp luật.

2. Phối hợp với các cơ quan chức năng tiếp nhận thông tin về quy hoạch, dự án, kế hoạch xây dựng các khu đô thị, khu công nghiệp, tuyến đường giao thông, khu chế xuất, tòa nhà có nhiều chủ sử dụng và các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động khác lập kế hoạch xây dựng, lắp đặt các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của doanh nghiệp. Chủ động phối hợp với chính quyền địa phương các cấp trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến việc xây dựng và phát triển hạ tầng mạng truyền dẫn viễn thông.

3. Báo cáo kịp thời và chính xác các thông tin về hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động khi có yêu cầu của Sở Khoa học và Công nghê, Công an thành phố và Ủy ban nhân dân cấp xã. Chấp hành nghiêm chỉnh việc thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

4. Ưu tiên phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động đến các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa nhằm tiếp tục phổ cập dịch vụ viễn thông, Internet.

5. Tăng cường công tác quản lý các dự án đầu tư, xây dựng hạ tầng mạng truyền dẫn viễn thông, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn, kiểm định công trình.

6. Xây dựng kế hoạch dự phòng đảm bảo ứng phó với các tình huống khẩn cấp, sự cố về an toàn hạ tầng mạng truyền dẫn viễn thông.

7. Có trách nhiệm đóng góp kinh phí để triển khai thực hiện Kế hoạch ngầm hóa, chỉnh trang mạng cáp viễn thông trên địa bàn thành phố.

Điều 26. Công ty Điện lực Đà Nẵng

1. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trong công tác sắp xếp, chỉnh trang, thu hồi cáp viễn thông trên cột điện lực.

2. Trước ngày 15 tháng 12 hàng năm, báo cáo kết quả chỉnh trang cáp viễn thông trong năm, kế hoạch chỉnh trang, sắp xếp cáp viễn thông năm tiếp theo, thông tin giá thuê cột điện lực để treo cáp viễn thông.

Chương VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 27. Điều khoản thi hành

1. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Quy định này; định kỳ hàng năm, tổng kết báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan truyền thông tổ chức tuyên truyền phổ biến Quy định này đến các tổ chức, cá nhân có liên quan biết thực hiện.

2. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Quy định này, nếu phát sinh những vấn đề khó khăn, vướng mắc, bất cập thì các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.